TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2025/HS-PT
Ngày: 24 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:* Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 144/2025/TLPT-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre (nay tỉnh Vĩnh Long). Nơi thường trú: Số E, đường K, tổ dân phố C, khu phố A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E, đường K, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở hiện tại: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp K, xã G, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Như H, sinh năm 1989 và 04 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1662/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 15.000.000

đồng (đã nộp phạt xong) và tịch thu số tiền dùng để đánh bạc là 12.497.250 đồng (chưa nộp) về hành vi làm chủ lô, đề.

Bị cáo bị bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Như H**, sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre (nay tỉnh Vĩnh Long). Nơi cư trú: Số E, đường K, khu phố A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E, đường K, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; có chồng Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 và 04 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1663/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 15.000.000 đồng (đã nộp phạt xong) và tịch thu số tiền dùng để đánh bạc là 12.497.250 đồng (chưa nộp) về hành vi làm chủ lô, đề.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2024, đến ngày 07/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lĩnh, đến ngày 12/3/2025 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre (nay tỉnh Vĩnh Long). Nơi cư trú: Số F, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là số F, ấp P, xã C, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1940 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1952; có vợ Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 02 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre (nay tỉnh Vĩnh Long). Nơi cư trú: Số E, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là số E, ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; có chồng Bùi Hữu N, sinh năm 1984 và 03 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1668/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 3.500.000 đồng

và tịch thu số tiền dùng để đánh bạc là 3.216.000 đồng về hành vi bán số lô, số đề (đã nộp xong).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2024, đến ngày 07/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lĩnh, đến ngày 12/3/2025 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. **Dương Ngọc Minh T**, sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long). Nơi cư trú: Số C, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là số C, khu phố A, xã B, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Dương Minh T, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Bùi Thị M, sinh năm 1940; có chồng Trần Trung H, sinh năm 1964 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 27/2009/HS-ST ngày 18/05/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Đánh bạc" (đã chấp hành xong bản án) và tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPHC ngày 21/6/2025 của Công an tỉnh B xử phạt 350.000 đồng về hành vi mua số lô, số đề (đã nộp xong).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H và Nguyễn Thị Kim N*: Ông Lê Hữu T - Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V; địa chỉ: Số I, đường Đ, khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác bị xét xử nhưng do không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8/2024, bị cáo Nguyễn Minh T đề xuất với vợ là bị cáo Nguyễn Như H tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận phơi đề từ những người làm thầu đề và bán số đề cho người chơi để kiếm tiền do việc làm ăn đang gặp khó khăn, bị cáo H đồng ý. Bị cáo T mua sim số 0914.150.428 gắn vào điện thoại di động Iphone 6 để sử dụng mua bán số đề. Bị cáo T liên hệ tìm người làm thầu đề và mua số đề, lưu số điện thoại của những người này vào danh bạ với các ký hiệu riêng là "A2", "BL", "M", "R", "R2", "Th", "Tr", "Tr2" …Các bị cáo T và H thỏa thuận trả tiền hoa hồng cho thầu dưới, người mua đề là 30% của tổng số tiền mua số đề. Bị cáo T là người

trực tiếp nhận phơi đề do thầu dưới chuyển lên, thông báo cho bị cáo Huỳnh B ghi nhận lại, tính tiền, đối chiếu kết quả hoặc bị cáo H sẽ trực tiếp nhận phơi đề, bán số đề khi bị cáo T bận, tính tiền, đối chiếu kết quả; cuối ngày bị cáo H sẽ thông báo kết quả thắng, thua cho bị cáo T biết. Người ghi đề nhắn tin SMS trực tiếp qua số điện thoại 0914.150.428 của các bị cáo T và H, ở cả ba đài miền B, miền T và miền N. Hình thức thắng, thua khi mua lô, số đề được tính dựa trên kết quả xổ số của các đài xổ số kiến thiết; đối với số đề bao lô và số đề đầu đuôi (có 02 chữ số) nếu trúng thưởng thì tỷ lệ 1 ăn 70 (1/70), đối với số đề có 03 chữ số và số đá nếu trúng thưởng thì tỷ lệ 1 ăn 600 (1/600). Hàng ngày, các bị cáo T và Huỳnh nhận số đề từ khoảng 14 giờ đến 18 giờ. Việc thanh toán tiền mua bán số đề và tiền trúng số đề như sau: đối với những người có mối quan hệ quen biết, bị cáo H trực tiếp thanh toán; đối với những người còn lại, bị cáo T yêu cầu bị cáo H kêu bị cáo Nguyễn Hữu T (cha ruột của bị cáo H) sử dụng tài khoản số 7107205147610 tại Ngân hàng N4 của bị cáo T để giao dịch, khi người mua số đề thua thì bị cáo H đưa số tài khoản của bị cáo T cho người mua số đề thua để người mua số đề thua chuyển tiền vào, khi người mua số đề thắng thì bị cáo H kêu bị cáo T chuyển tiền vào tài khoản của người mua số đề thắng. Bị cáo T thấy bị cáo H đang gặp khó khăn, đồng thời vợ chồng bị cáo T đang sống cùng với vợ chồng các bị cáo T và H, mọi chi phí sinh hoạt, ăn uống, khám chữa bệnh đều do các bị cáo T và H chi trả cho vợ chồng bị cáo T nên bị cáo T giúp các bị cáo T và H thực hiện các giao dịch liên quan đến thanh toán tiền đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo T và H đã nhận phơi đề của thầu dưới gồm các bị cáo Nguyễn Thị Kim N, Triệu Nam P và Lê Hoàng T6; bán số đề cho bị cáo Dương Ngọc Minh T với tổng số tiền dùng đánh bạc là 760.234.500 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 301.644.500 đồng. Trong đó, bị cáo N bán số đề cho các đối tượng "S" sử dụng số điện thoại 0907.595.306, "A V" sử dụng số điện thoại 0788.865.543, "Song Tử" (chưa rõ lai lịch) rồi chuyển lại toàn bộ cho các bị cáo T và H; bị cáo P bán số đề cho các đối tượng Tuấn D, N, Hòa Thượng, M1, Duy T7,… (chưa rõ lai lịch) rồi chuyển lại toàn bộ cho các bị cáo T và H; bị cáo T6 bán số đề cho bị cáo Lê Thị Trúc P rồi chuyển lại toàn bộ cho các bị cáo T và H. Cụ thể:

- Ngày 07/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 5.529.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 2.100.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 7.629.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 12.346.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 2.800.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 15.146.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 22.775.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 12.975.000 đồng.

+ Đài miền T8:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.700.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 7.000.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 9.700.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 9.885.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 9.885.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 19.585.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.585.000 đồng.

+ Đài miền B1:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 20.416.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 1.200.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 21.616.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 13.122.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 7.200.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 20.322.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 41.938.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 25.138.000 đồng.

- Ngày 08/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 15.650.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 15.650.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 17.240.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 5.250.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 22.490.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 38.140.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 27.640.000 đồng.

+ Đài miền T8:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 11.430.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 12.130.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 12.130.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.730.000 đồng.

+ Đài miền B1:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 14.815.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 630.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 15.445.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 22.078.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 10.700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 32.778.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 48.223.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 25.563.000 đồng.

- Ngày 09/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 13.484.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 8.400.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 21.884.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 10.892.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 18.900.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 29.792.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 51.676.000 đồng, không thu lợi bất chính trong lần này.

+ Đài miền T8:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 3.655.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 1.400.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 5.055.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 4.806.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 2.500.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 7.306.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 12.361.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.561.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 20.451.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 7.700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 28.151.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 8.436.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 9.136.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 37.287.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 20.487.000 đồng.

- Ngày 10/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 10.710.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 7.000.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 17.710.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 24.487.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 9.800.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 34.287.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 51.997.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.397.000 đồng.

+ Đài miền T8:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 11.170.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 7.700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 18.870.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 18.870.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.470.000 đồng.

+ Đài miền B1:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 13.106.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 31.100.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 44.206.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 17.724.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 13.300.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 31.024.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 75.230.000 đồng, không thu lợi bất chính trong lần này.

- Ngày 11/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 13.825.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 8.750.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 22.575.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 18.759.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 3.700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 22.459.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 45.034.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 20.134.000 đồng.

+ Đài miền T:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 340.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 340.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 13.956.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 3.500.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 17.456.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 17.796.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.796.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 9.913.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 6.500.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 16.413.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 9.134.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 2.000.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 11.134.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 27.547.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.547.000 đồng.

- Ngày 12/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 6.028.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 140.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 6.168.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.490.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 2.490.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 8.658.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.378.000 đồng.

+ Đài miền T:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 4.500.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 4.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.500.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.082.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 10.400.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 12.482.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 11.028.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 11.028.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 23.510.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.710.000 đồng.

- Ngày 13/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 1.300.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 1.300.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 5.950.000 đồng, bị cáo P trúng số tiền 5.250.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 11.200.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 12.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 7.842.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 10.340.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 18.182.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 18.182.000 đồng, không thu lợi bất chính trong lần này.

- Ngày 14/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 3.622.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 3.710.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 7.332.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 10.030.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 10.030.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 17.362.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 9.942.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 4.240.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 2.100.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 6.340.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 1.405.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 1.405.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 7.745.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.545.000 đồng.

- Ngày 15/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 5.517.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 5.517.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 5.165.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 5.165.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 10.682.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.682.000 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 10.152.000 đồng, bị cáo N trúng số tiền 20.700.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 30.852.000 đồng.

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 50.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 50.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 30.902.000 đồng, không thu lợi bất chính trong lần này.

- Ngày 16/9/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.200.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 2.200.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 2.200.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.200.000 đồng.

+ Đài miền N:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.425.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 2.425.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 2.425.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.425.000 đồng.

- Ngày 17/9/2024:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề đài miền N cho các bị cáo T và H với số tiền 3.010.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 3.010.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 3.010.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.010.000 đồng.

- Ngày 18/9/2024:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề đài miền N cho các bị cáo T và H với số tiền 1.950.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 1.950.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 1.950.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.950.000 đồng.

- Ngày 19/9/2024:

Bị cáo N bán rồi giao lại số đề đài miền N cho các bị cáo T và H với số tiền 1.920.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo N là 1.920.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 1.920.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.920.000 đồng.

- Ngày 23/9/2024:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 3.970.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 3.970.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 3.970.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.970.000 đồng.

- Ngày 24/9/2024:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 3.710.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 3.710.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 3.710.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.710.000 đồng.

- Ngày 25/9/2024:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.700.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 2.700.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 2.700.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.700.000 đồng.

- Ngày 26/9/2024:

Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 2.395.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 2.395.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 2.395.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.395.000 đồng.

- Ngày 27/9/2024: Bị cáo P bán rồi giao lại số đề cho các bị cáo T và H với số tiền 1.300.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo P là 1.300.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 1.300.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.300.000 đồng.

- Ngày 06/10/2024:

+ Đài miền N:

Bị cáo T mua số đề của các bị cáo T và H với số tiền 30.107.500 đồng, bị cáo T1 trúng số tiền 7.370.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo T là 37.477.500 đồng.

Bị cáo T bán số đề cho bị cáo P rồi giao lại cho các bị cáo T và H với số tiền 2.515.000 đồng, kết quả không trúng, tổng số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo T6 và P1 là 2.515.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 39.992.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 25.252.500 đồng.

+ Đài miền B:

Bị cáo T1 mua số đề của các bị cáo T và H với số tiền 21.430.000 đồng, bị cáo T trúng số tiền 9.300.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo T là 30.730.000 đồng.

Bị cáo T bán số đề cho bị cáo P rồi giao lại cho các bị cáo T và H với số tiền 5.102.000 đồng, kết quả trúng số tiền 4.200.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo T và P là 9.302.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T và H tổ chức cho người chơi đánh bạc là 40.032.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.032.000 đồng.

Về việc thanh toán tiền mua bán và tiền trúng số đề: Giữa các bị cáo T, H và bị cáo P đã thanh toán xong; bị cáo N còn nợ các bị cáo T và H số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo P đã trả cho bị cáo T6 số tiền là 5.000.000 đồng; giữa các bị cáo T, H và các bị cáo T, T chưa thanh toán.

Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc, các bị cáo T và T còn cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức cá độ bóng đá với các bị cáo Nguyễn Văn S và Hồ Văn T. Cụ thể: Vào mùa Euro năm 2024, bị cáo T liên hệ với bị cáo S để thỏa thuận về việc cá độ bóng đá, bị cáo S tìm người chơi đánh bạc rồi chuyển kèo lại cho bị cáo T để hưởng hoa hồng là 02% của tổng số tiền cá cược nếu bị cáo T thắng. Vào ngày 28/6/2024, bị cáo T gửi tỷ lệ cá cược trận đấu giữa U và U cho bị cáo S thông qua tin nhắn điện thoại có số điện thoại là 0914.150.428 gắn vào điện thoại di động Iphone 6, bị cáo S chụp ảnh màn hình nội dung tin nhắn do bị cáo T gửi rồi gửi cho bị cáo T. Bị cáo T sử dụng tài khoản zalo nhắn tin cho bị cáo S để chọn tỷ lệ cá cược, sau đó bị cáo S nhắn tin SMS lại cho bị cáo T để đồng ý chốt kèo. Bị cáo T cá độ 05 kèo với tỷ lệ như sau:

- Kèo thứ 1: Bị cáo T chọn đội Bolivia là đội thắng cược với số tiền cược là 20.000.000 đồng. Kết quả trận đấu đội Uruguay thắng U tỷ số 5 – 0 nên bị cáo T thua cược số tiền 20.000.00 đồng.

- Kèo thứ 2: Bị cáo T chọn đội Bolivia là đội thắng cược, cược thêm 20.000.000 đồng. Kết quả trận đấu đội Uruguay thắng U tỷ số 5 – 0 nên bị cáo T thua cược số tiền 20.000.00 đồng.

- Kèo thứ 3: Bị cáo T chọn xỉu trên tổng số bàn thắng của cả trận đấu, cược 20.000.000 đồng. Kết quả trận đấu đội Uruguay thắng U tỷ số 5 - 0 nên bị cáo T thua cược số tiền 20.000.00 đồng.

- Kèo thứ 4: Bị cáo T chọn đội Bolivia là đội thắng cược, cược thêm 20.000.000 đồng. Kết quả trận đấu đội Uruguay thắng U tỷ số 5 - 0 nên bị cáo T thua cược số tiền 20.000.00 đồng.

- Kèo thứ 5: Bị cáo T chọn xỉu trên tổng số bàn thắng của hiệp 1 trận đấu, cược 10.000.000 đồng. Kết quả hiệp 1 trận đấu đội Uruguay thắng U tỷ số 2 - 0 nên bị cáo T thua cược số tiền 10.000.00 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo T cá cược trận đấu giữa U và U là 90.000.000 đồng, kết quả bị cáo T thua. Tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo T là 90.000.000 đồng, của các bị cáo T, T và S là 180.000.000 đồng. Bị cáo T đã chuyển khoản tiền cược 90.000.000 đồng cho bị cáo S, bị cáo S giữ lại 1.800.000 đồng là hoa hồng rồi chuyển cho bị cáo T số tiền 88.200.000 đồng, bị cáo T đã chuyển số tiền này vào tài khoản của bị cáo T.

Quá trình điều tra tạm giữ vật chứng như sau:

- Tạm giữ của bị cáo T:

+ Tạm giữ tiền Việt Nam là 20.400.000 đồng và bị cáo T tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 70.400.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, vỏ điện thoại màu đen, loại cảm ứng, có gắn sim số 0966.765.868: Tiếp tục tạm giữ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Flod 5G, vỏ điện thoại màu đen, loại cảm ứng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple, vỏ điện thoại màu vàng, loại cảm ứng: Đã trả cho vợ của bị cáo T là bị cáo H, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của bị cáo H:

+ 01 cuốn sổ tay; 03 đầu thu camera; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 dây sạc laptop; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, vỏ điện thoại màu xanh, loại cảm ứng, gắn sim số 0378.112.233: Đã trả cho bị cáo Huỳnh D không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ điện thoại màu trắng, loại cảm ứng, gắn sim số 0914.150.428: Tiếp tục tạm giữ.

+ Bị cáo Huỳnh tự N nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc là 5.000.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo T:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ điện thoại màu đen, loại cảm ứng: Đã trả cho bị cáo T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, vỏ điện thoại màu vàng đồng, loại cảm ứng, gắn sim số 0913.419.456: Tiếp tục tạm giữ.

- Tạm giữ của bị cáo S:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15, loại cảm ứng, vỏ màu trắng, không có lắp sim: Tiếp tục tạm giữ.

+ Bị cáo S tự nguyện nộp số tiền dùng vào đánh bạc là 1.800.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo T:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, loại cảm ứng, có gắn sim số 0965.906.915: Tiếp tục tạm giữ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu hiệu Nokia, loại bàn phím, có gắn sim số 0944.015.709: Đã trả cho bị cáo T9 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của bị cáo P:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A60, loại cảm ứng, có gắn sim số 0778.741.199: Tiếp tục tạm giữ.

- Bị cáo P tự nguyện nộp số tiền dùng vào đánh bạc là 5.000.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo N:

+ Tạm giữ tiền Việt Nam là 10.000.000 đồng và bị cáo N tự nguyện nộp số tiền đánh bạc là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

+ 01 CPU máy tính nhãn hiệu VSP, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, vỏ điện thoại màu bạc, loại cảm ứng, gắn sim số 0367.631.070 và 0986.342.859, ốp lưng bằng nhựa màu trắng - vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ điện thoại màu xanh, loại cảm ứng: Đã trả cho bị cáo N do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 12 5G, vỏ điện thoại màu xám đen, loại cảm ứng, gắn sim số 0367.780.968: Tiếp tục tạm giữ.

- Tạm giữ của bị cáo T: Bị cáo T tự nguyện nộp số tiền dùng vào đánh bạc là 51.546.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo T:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A92, loại cảm ứng, vỏ màu xanh, có gắn sim số 0982.717.271: Tiếp tục tạm giữ.

+ Bị cáo T tự nguyện nộp số tiền dùng đánh bạc là 6.685.000 đồng (giai đoạn điều tra nộp 5.000.000 đồng: Đã nộp vào Kho bạc Nhà nước; giai đoạn truy tố nộp 1.685.000 đồng: Đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long)) để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo P: Giai đoạn truy tố, bị cáo P tự nguyện nộp số tiền dùng đánh bạc là 2.617.000 đồng: Đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long)) để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ: Của Huỳnh Trung N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 ProMax, loại cảm ứng; của Hà Diễm T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, loại cảm ứng; của Nguyễn Sơn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36 và của Nguyễn Văn K: Tất cả đã trả cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về kết quả giám định:

- Giám định 02 điện thoại di động, 01 Ipad tạm giữ của bị cáo T: Tại Kết luận giám định số 864/2024/KL-KTHS ngày 14/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Zalo lưu trong các mẫu gửi giám định và 03 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Du lieu kem theo KLGĐ_864.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, không phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định điện thoại di động Iphone 6 tạm giữ của bị cáo H:

+ Kết luận giám định số 862/2024/KL-KTHS ngày 12/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Zalo, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Du lieu trich xuat kem theo KLGĐ_862.iso".

+ Kết luận giám định số 1061/2024/KL-KTHS ngày 03/12/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Zalo, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Không tìm thấy dữ liệu ứng dụng Viber, T11 và M2 lưu trong điện thoại gửi giám định. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_1061.iso".

Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định điện thoại di động Iphone 11 Pro Max tạm giữ của bị cáo H:

+ Kết luận giám định số 863/2024/KL-KTHS ngày 13/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Du lieu kem theo KLGĐ_863.iso".

+ Kết luận giám định số 1062/2024/KL-KTHS ngày 03/12/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook, V2, I, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Du lieu kem theo KLGĐ_1062.iso".

Qua kiểm tra dữ liệu giám định, không phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định 02 máy tính xách tay tạm giữ của bị cáo H: Kết luận giám định số 7247/KL-KTHS ngày 25/02/2025 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ Đối với máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen, số sê ri: F9NOCX050433364: Phần mền có chức năng gọi thoại, nhắn tin (tùy thuộc vào cách thức, mục đích sử dụng) đã được cài đặt gồm Zalo, G. Phần mềm có thể được sử dụng để thực hiện tính tiền lô đề gồm excel, máy tính, phần mền tên: "Hồ sơ". Tiến hành mô tả cách thức sử dụng phần mền tên "Hồ sơ" ra 01 bản ảnh đính kèm; cách thức sử dụng các phần mềm khác được công bố công khai từ nhà sản xuất. Không trích xuất được dữ liệu thoại, nhắn tin trong ứng dụng Zalo.

+ Đối với máy tính xách tay hiệu DELL, màu đen, số sê ri: 92V8CG2: Phần mền có chức năng gọi thoại, nhắn tin (tùy thuộc vào cách thức, mục đích sử dụng) đã được cài đặt gồm Zalo, G. Phần mềm có thể được sử dụng để thực hiện tính tiền lô đề gồm excel, máy tính; cách thức sử dụng phần mềm được công bố công khai từ nhà sản xuất. Trích xuất được một phần dữ liệu gửi qua ứng dụng Zalo, dữ liệu trích xuất ra 01 thiết bị lưu trữ DVD.

- Giám định điện thoại di động Iphone 6 tạm giữ của bị cáo T: Kết luận giám định số 200/2025/KL-KTHS ngày 14/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook, M2, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định và 02 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_200_2025.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội.

- Giám định 01 điện thoại di động tạm giữ của bị cáo S: Kết luận giám định số 888/2024/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook, M2 lưu trong điện thoại gửi giám định. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_888.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, không phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định điện thoại di động Iphone 6 (ký hiệu A1) và điện thoại di động N5 (ký hiệu A2) tạm giữ của bị cáo T9: Kết luận giám định số 889/2024/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook lưu trong điện thoại gửi giám định (A1) và 02 thẻ sim; chụp ảnh dữ liệu hiển thị trên màn hình của điện thoại gửi giám định (A2). Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_889.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định 01 điện thoại di động tạm giữ của bị cáo P: Kết luận giám định số 868/2024/KL-KTHS ngày 18/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Zalo lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_868.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định điện thoại di động Oppo Reno12 tạm giữ của bị cáo N: Tại Kết luận giám định số 1125/2024/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Zalo, âm thanh, hình ảnh, video lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Dữ liệu kèm theo KLGĐ_1125.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Giám định 01 CPU tạm giữ của bị cáo N: Kết luận giám định số 7595/KL-KTHS ngày 11/02/2025 của của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 Case máy tính màu đen, trên thân có ghi chữ "VPS", bên trong có gắn ổ cứng có cài đặt phần mềm có chức năng gọi thoại và nhắn tin thông qua mạng internet (Z, S). Phục hồi, trích xuất dữ liệu từ thiết bị gửi giám định, bao gồm dữ liệu/nhận qua ứng dụng Zalo, S1. Dữ liệu khai thác được sao lưu ra 01 thiết bị lưu trữ. Trên thiết bị gửi giám định có cài đặt nhiều phần mềm, danh sách các phần mềm đã cài đặt được trích, in thành 01 phụ lục đính kèm theo kết luận giám

định. Không đủ cơ sở kết luận các phần mềm đã cài đặt nêu trên có được sử dụng vào việc tính tiền lô, số đề không. Tùy vào từng phần mềm cụ thể mà có cách sử dụng khác nhau, có phần mềm khi sử dụng thì yêu cầu kết nối internet nhưng có phần mềm khi sử dụng thì không yêu cầu.

- Giám định 01 điện thoại di động tạm giữ của bị cáo T6: Kết luận giám định số 867/2024/KL-KTHS ngày 17/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook Messenger lưu trong điện thoại gửi giám định và 01 thẻ sim. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin tên: "Du lieu kem theo KLGĐ_867.iso". Qua kiểm tra dữ liệu giám định, phát hiện thông tin có liên quan đến hành vi đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết quả giám định, vật chứng tạm giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"; Nguyễn Như H"Tổ chức đánh bạc"; Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc"

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2024.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 07/01/2025 là 03 (ba) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 07/01/2025 là 03 (ba) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 01 (một) năm, tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Minh T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu T 02 năm 03 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc", Hồ Văn T 03 năm 03 tháng tù, Triệu Nam P 01 năm 03 tháng tù, Lê Hoàng T 09 tháng tù cho hưởng án treo, Lê Thị Trúc P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo cùng về tội "Đánh bạc". Quyết định về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/8/2025 bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo xin cải tạo không giam giữ tội "Đánh bạc" và giảm nhẹ hình phạt xuống 02 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Ngày 29/8/2025 bị cáo Nguyễn Như H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 03/9/2025 bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 03/9/2025 các bị cáo Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo; các bị cáo không kháng cáo về tội danh và giữ y kháng cáo về hình phạt như đơn kháng cáo đã nêu, bị cáo Nguyễn Văn S bổ sung chứng cứ đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị bệnh, mẹ bị bệnh; bị cáo Nguyễn Như H có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị bệnh; Nguyễn Minh T cung cấp biên lai nộp án phí sơ thẩm, tiền đánh bạc; Nguyễn Thị Kim N cung cấp biên lai nộp án phí sơ thẩm, tiền đánh bạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như

nội dung án sơ thẩm; do đó, cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội danh là đúng với hành vi của các bị cáo thực hiện đánh bạc, các bị cáo chỉ kháng cáo về hình phạt. Xét kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn S bổ sung chứng cứ đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị bệnh, mẹ bị bệnh; bị cáo Nguyễn Như H có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị bệnh; Nguyễn Minh T cung cấp biên lai nộp án phí sơ thẩm, tiền đánh bạc; Nguyễn Thị Kim N cung cấp biên lai nộp án phí sơ thẩm, tiền đánh bạc; nhưng các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo cung cấp là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng nên không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ y án sơ thẩm; đồng thời, buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Ngoài ra hồ sơ vụ án không có quyết định khởi tố bổ sung bị can đối với bị cáo T về hành vi "Đánh bạc" và án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo T, bị cáo H về tội "Tổ chức đánh bạc" là sai sót, các sai sót trên xét thấy không ảnh hưởng đến bản chất vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm Hội đồng cấp sơ thẩm.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo T, H và N: Thống nhất tội danh và khung hình phạt cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị cáo N sau khi xét xử đã nộp tiền phạt bổ sung đây là tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Huỳnh trong vụ án này ngoài bị cáo còn có chồng và cha bị cáo cùng bị tuyên án tù, nếu bị cáo phải đi chấp hành án như hình phạt án sơ thẩm tuyên thì không ai ở nhà chăm sóc các con; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Minh T: Bị cáo biết hành vi của bị cáo sai trái mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về làm công dân tốt có ít cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Như H: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để ở nhà chăm sóc mẹ già và các con còn nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai trái mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở ngoài chăm sóc cha mẹ già.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim N: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được ở ngoài nuôi cha mẹ già.

Bị cáo Dương Ngọc Minh T: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được ở ngoài nuôi mẹ già và bị cáo trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo là còn trong thời hạn 15 ngày trong thời hạn kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo rõ ràng hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H khai là người đứng ra tổ chức việc mua, bán số lô số đề thắng thua bằng tiền và các bị cáo T, S, N, T khai là người trực tiếp đánh bạc thắng thua bằng tiền, từ tháng 8/2024 đến ngày 06/10/2024, bị cáo T với bị cáo H thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận phơi đề từ những người ghi đề là các bị cáo P, N và T, bán số đề cho nhiều người trong đó có bị cáo T với tổng số tiền đánh bạc là 760.234.500 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 301.644.500 đồng. Các bị cáo T và Huỳnh trả hoa hồng cho các bị cáo P, N, T và T là 30% của tổng số tiền mua bán số đề. Bị cáo T được các bị cáo T và H phân công nhiệm vụ thanh toán tiền đánh bạc thông qua tài khoản ngân hàng của bị cáo T, đổi lại các bị cáo T và H chi trả toàn bộ chi phí sinh hoạt cho vợ chồng bị cáo T.

Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc, các bị cáo T và T còn cùng với bị cáo S thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức cá độ bóng đá với bị cáo T. Tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo T9 là 90.000.000 đồng; của các bị cáo T, T và S là 180.000.000 đồng, trong đó bị cáo S hưởng 1.800.000 đồng là tiền hoa hồng từ bị cáo T. Bị cáo T thanh toán tiền đánh bạc thông qua tài khoản ngân hàng của bị cáo T rồi chuyển lại cho bị cáo T.

Bị cáo N thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số đề 25 lần với tổng số tiền dùng đánh bạc là 323.627.000 đồng, trong đó có 19 lần với tổng số tiền dùng đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000 đồng (tổng số tiền đánh bạc 19 lần là

312.907.000 đồng, lần thấp nhất là 5.055.000 đồng, lần cao nhất là 44.206.000 đồng).

Bị cáo T1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số đề 02 lần với tổng số tiền dùng đánh bạc là 68.207.500 đồng (đài miền N là 37.477.500 đồng, đài miền B là 30.730.000 đồng).

Do đó, cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc", Nguyễn Như H phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T phạm tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo đồng ý về tội danh cấp sơ thẩm đã xét xử nên không kháng cáo về tội danh chỉ kháng cáo về hình phạt.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều nhận thức được đánh bạc ăn thua bằng tiền là hành vị bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi, các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi đánh bạc được ăn thua bằng tiền. Việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc ăn thua bằng tiền là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, bị cáo T từng 01 lần bị xét xử hình sự về tội đánh bạc cho hưởng án treo. Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cấp sơ thẩm cũng đã cân nhắc đánh giá tình hình trật tự tại địa phương về loại tội phạm này, phân hóa vai trò từng bị cáo, đánh giá đúng tính chất, hành vi và hậu quả vụ án, xem xét số tiền từng bị cáo tham gia đánh bạc và yếu tố nhân thân, áp dụng cho các bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và cũng đã áp dụng cho các bị cáo được hưởng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo T, H, S mức hình phạt ở khung nhẹ liền kề và hình phạt của bị cáo T, H, S, N, T là phù hợp nên hình phạt án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là không nặng đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa tội phạm và phục vụ tình hình nhiệm vụ chính trị địa phương, mặc dù các bị cáo cung cấp bổ sung tình tiết giảm nhẹ nhưng các tình tiết này là thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm cũng đã có áp dụng cho các bị cáo, không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không thể làm căn cứ để thay đổi mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

Trong vụ án này cơ quan tố tụng không khởi tố bổ sung bị can đối với bị cáo T về hành vi đánh bạc là vi phạm nghiêm trọng. Nhưng xét thấy trong quá trình điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng khai nhận hành vi đánh bạc và phạm tội đánh bạc là phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Ngoài ra, bị

cáo T và bị cáo H nhiều lần tổ chức đánh bạc đủ định lượng cấu thành tội phạm mà cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó dẫn đến áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là không đúng quy định. Mặc dù cấp phúc thẩm không hủy án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát, về việc không chấp nhận kháng cáo của 05 bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bào chữa: Không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"; Nguyễn Như H phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tổ chức đánh bạc".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm tù, về tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 07/01/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 07/01/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Minh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghịsố: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Như H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim N và Dương Ngọc Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKTI -TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm – VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 7-Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7-Vĩnh Long;
- Các bị cáo;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Công an xã Giồng Trôm, Châu Hòa, Ba Tri;
- Lưu Văn phòng;
- Phòng GĐ, KTTT&THA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Thành